

CÔNG TY CỔ PHẦN HPC BẮC NINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HPC BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HPC BAC NINH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HPC BAC NINH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301093604

3. Ngày thành lập: 11/06/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô CN2-2 và CN9-4, Khu công nghiệp Yên Phong (khu mở rộng), Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913026254

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo - Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nên và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, album và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dệt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
2.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
3.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
6.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
7.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
10.	Khai thác gỗ	0220
11.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
12.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
13.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Xây dựng nhà để ở	4101
17.	Xây dựng nhà không để ở	4102
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Phá dỡ	4311
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa	5221
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
27.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511(Chính)
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Cho thuê xe có động cơ	7710
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
35.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

36.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
37.	Thu gom rác thải độc hại	3812
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
41.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc chỉ được kinh doanh những ngành nghề kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định pháp luật).	4329
44.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
45.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
46.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
47.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
48.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
49.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
50.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
51.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
52.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa	4610
53.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn bột giấy; Bán buôn nhựa tổng hợp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	4669
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;	4663
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa;	4933
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
57.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
58.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
59.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất đồ nhựa dùng để gói hàng - Sản xuất các sản phẩm plastic bán chế biến - Sản xuất các sản phẩm nhựa hoàn thiện - Sản xuất đồ nhựa cho xây dựng - Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa - Sản xuất sản phẩm nhựa chuyển hoá.	2220
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

62.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
63.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
64.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
65.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
66.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
67.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
68.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Tái chế phế liệu	3830
71.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
72.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
74.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
78.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
79.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
80.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác	7490
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
82.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 26.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Tổ 6, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.098.500	10.985.000.000	42,250	013293061	
			Tổng số	1.098.500	10.985.000.000	42,250		
2	NGUYỄN VĂN TUYẾN	Tổ dân phố số 7, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	591.500	5.915.000.000	22,750	013138025	
			Tổng số	591.500	5.915.000.000	22,750		
3	HỨA XUÂN SINH	Số 80, ngõ 62, đường Trần Quý Cáp, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	650.000	6.500.000.000	25,000	011951264	
			Tổng số	650.000	6.500.000.000	25,000		
4	NGUYỄN VĂN TÚC	Tổ 3, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	260.000	2.600.000.000	10,000	001075018118	
			Tổng số	260.000	2.600.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TUYẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 12/07/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013138025

Ngày cấp: 17/12/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố số 7, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 7, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh